TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 15/11/2018
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Lâm Xướng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trương Đình Quang

Ông: Trương Ngọc Nhân

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2018/TLST - HNGĐ ngày 25/5/2018 về việc " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 574/2018/QĐXX- ST ngày 15/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị C T D T

Trú tại: Thôn Y T, xã Y H, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đ Q S

Trú tại: Thôn Y T, xã Y H, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt.

3. Người có quyền lợi liên quan đến vụ án: Ngân hàng N – Chi nhánh M H B Q B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T A L

Địa chỉ: Tiểu khu 7, thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Q B – có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/3/2018 và bản tự khai ngày 10/7/2018 của nguyên đơn C T D T trình bày giữa chị và anh Đ Q S đã đăng ký kết hôn ngày 17/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Y H, huyện M H, tỉnh Q B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Chung sống được một thời gian thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, vợ chồng chị đã sống ly thân, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị T làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn cho chị.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu Đ Q T sinh ngày 28/10/2011 và cháu Đ T T V sinh ngày 23/9/2014. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị là được nuôi dưỡng cả 02 người con chung vì các cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ.

Tài sản chung và khoản vay chung: Tài sản chung gồm có 01 chiếc xe máy honda Vision.

Chị T vay số tiền 50 triệu đồng tại ngân hàng N huyện M H, chị chịu trách nhiệm trả số tiền vay này.

Tại phiên hòa giải ngày 10 /7/2018 và tại phiên tòa hôm nay anh Đ Q S trình bày: Quá trình tìm hiểu để đi đến kết hôn anh nhất trí như ý kiến trình bày của chị T. Anh không nhất trí ly hôn vì mong muốn gia đình hòa thuận, hạnh phúc. Giữa anh và chị T có 02 người con chung là cháu Đ Q T sinh ngày 28/10/2011 và cháu Đ T T V sinh ngày 23/9/2014. Sau khi ly hôn nguyện vọng của anh là được nuôi dưỡng cháu T, cháu V giao chị T nuôi dưỡng.

Tài sản chung: Gồm có 01 chiếc xe máy tay ga hãng Honda và 01 mảnh đất diện tích khoảng 200m^2 , đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất .

Khoản vay chung: Không có.

Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã tiến hành hòa giải nhiều lần, phân tích những mâu thuẫn của vợ chồng để mỗi bên tự khắc phục sửa chữa cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa chị T và anh S một mực xin được ly hôn vì tình cảm vợ chồng thực sự không còn nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị C T D T và anh Đ Q S đã đăng ký kết hôn ngày 17/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Y H, huyện M H, tỉnh Q B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên coi đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị không

thông cảm cho nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng vì mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được Xét thấy nguyện vọng của chị T xin được ly hôn là chính đáng cần chấp nhận, áp dụng Khoản 1, Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị C T D T được ly hôn với anh Đ Q S.

[2] Về con chung: Hai bên đều thừa nhận vợ chồng có 02 người con chung là cháu Đ Q T sinh ngày 28/10/2011 và cháu Đ T T V sinh ngày 23/9/2014. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 người con chung vì các cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Anh S có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T, cháu V giao chị T nuôi dưỡng. Nhưng xét thấy cháu T và cháu V còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ, chị T hiện tại là giáo viên, có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu V nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đ Q T sinh ngày 28/10/2011 và cháu Đ T T V sinh ngày 23/9/2014 là hợp lý. Anh Đ Q S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) một tháng.

[3] Tài sản chung và khoản vay chung: Chị C T D T và anh S đều thống nhất tài sản chung gồm có 01 chiếc xe máy Honda Vision lúc mới mua trị giá 30 triệu đồng. Hai bên thỏa thuận giao chiếc xe máy này cho anh S được quyền sở hữu và sử dụng.

Ngoài ra anh Đ Q S trình bày tài sản chung và 01 mảnh đất diện tích khoảng 200m^2 , đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về mảnh đất diện tích khoảng 200m^2 , đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh S kê khai. Ngày 12/7/2018 Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã gửi công văn số 319/2018/CV-TA đến Ủy ban nhân dân xã Y H để làm rõ nguồn gốc đất và ngày 19/9/2018 Ủy ban nhân dân xã Y H đã có công văn phúc đáp số 30/CV-UBND trả lời mảnh đất nói trên không phải là đất của chị C T D T và anh Đ Q S mà là đất nằm trong quy hoạch chi tiết đất ở của xã Y H. Như vậy không có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu phân chia tài sản chung là mảnh đất diện tích 200m^2 của anh Đ Q S.

Khoản vay chung: Chị T chấp nhận chịu trách nhiệm trả số tiền 50 triệu đồng vay tại ngân hàng N nên miễn xét

[4] Án phí: Chị C T D T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004012 ngày 25/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Đ Q S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị C T D T được ly hôn với anh Đ Q S.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đ Q T sinh ngày 28/10/2011 và cháu Đ T T V sinh ngày 23/9/2014. Anh Đ Q S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh S phải đóng góp là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) một tháng cho đến khi cháu Đ Q T và cháu Đ T T V tròn 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 11/2018. Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và khoản vay chung: Anh Đ Q S được quyền sở hữu chiếc xe máy Hoda Vision

Chị C T D T chịu trách nhiệm trả số tiền 50 triệu đồng vay tại ngân hàng N huyện M H.

4. Về án phí: Chị C T D T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004012 ngày 25/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Đ Q S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bên phải thi hành án do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự mà không có thỏa thuận lãi suất thì thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quá hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho bên được thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (

15/11/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn; NCQL&NVLQ;
- UBND xã Y H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Lâm Xướng